

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bảng Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo
đối với một số cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập
thuộc thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 83/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Báo cáo, thẩm định số 40/BCTĐ-STP ngày 23/10/2015 của Sở Tư pháp; đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 54/TTr-SNV ngày 08/12/2015 và Công văn số 62/SNV-TCBC&TCPCP ngày 08/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với một số cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1631/2006/QĐ-UBND ngày 21/7/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Bảng Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo tạm thời đối với một số đơn vị sự nghiệp của thành phố Hải Phòng.

2. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập sau ngày Quyết định này có hiệu lực việc hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo thực hiện như sau:

a) Trường hợp có quy định về xếp hạng thì hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hạng được xếp hoặc theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp chưa có quy định về xếp hạng và phụ cấp chức vụ lãnh đạo việc hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo thực hiện theo Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập nêu tại Bảng Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo ban hành kèm theo Quyết định này khi có văn bản của Chính phủ, Bộ quản lý chuyên ngành quy định về hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo thì thực hiện theo quy định tại văn bản đó.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập có tên tại Bảng Hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo căn cứ Quyết định thi hành. /s/

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB, Bộ Tư pháp;
- TTTU;
- TTHĐND thành phố;
- CT, PCT UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Đảng ủy khối các cơ quan thành phố;
- Đảng ủy khối doanh nghiệp;
- Sở Tư pháp;
- Kho bạc nhà nước thành phố;
- Bảo hiểm xã hội thành phố;
- Như Điều 3;
- PCVP, các CV VPUBNDTP;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, SNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CHỦ TỊCH



Ủy ban Thành

BẢNG HỆ SỐ PHỤ CẤP
CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI MỘT SỐ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 310 /2016/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

S TT	Tên đơn vị	Hệ số phụ cấp			
		Giám đốc	Phó Giám đốc	Trưởng phòng (Trưởng khoa)	Phó trưởng phòng (Phó trưởng khoa)
01	Các Ban Quản lý dự án trực thuộc UBND thành phố	0,8	0,6	0,4	0,3
02	Ban Quản lý Dự án khu vực các công trình giao thông vận tải	0,7	0,5	0,3	0,2
03	Ban Quản lý Dự án hạ tầng Khu Kinh tế Hải Phòng	0,7	0,5	0,3	0,2
04	Ban Quản lý Dự án các công trình Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0,6	0,4	0,25	0,15
05	Ban Quản lý dự án trực thuộc các Sở, ngành khác	0,5	0,3	0,2	0,1
06	Ban Quản lý dự án chưa có hướng dẫn xếp hạng trực thuộc UBND quận, huyện	0,3	0,2		
07	Quỹ Đầu tư và Phát triển đất		0,6	0,4	0,3
08	Quỹ Bảo vệ môi trường	0,7	0,5	0,3	0,2
09	Quỹ Bảo trợ trẻ em	0,5	0,3		
10	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	0,7	0,5	0,3	0,2
11	Viện Quy hoạch	0,8	0,6	0,4	0,3
12	Thanh tra Sở Xây dựng	0,7	0,5	0,3	0,2
13	Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng công trình	0,5	0,3	0,2	0,1
14	Trung tâm Tư vấn thiết kế xây dựng	0,5	0,3		
15	Trung tâm Dịch vụ việc làm Khu Kinh tế Hải Phòng	0,7	0,5	0,3	0,2
16	Trung tâm Xúc tiến đầu tư Khu Kinh tế Hải Phòng	0,6	0,4	0,25	0,15

17	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	0,7	0,5	0,3	0,2
18	Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường	0,7	0,5	0,3	0,2
19	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	0,7	0,5	0,3	0,2
20	Trung tâm Pháp y Hải Phòng	0,7	0,5	0,3	0,2
21	Trung tâm Dịch vụ hậu cần thủy sản	0,7	0,5	0,3	0,2
22	Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	0,7	0,5	0,3	0,2
23	Trung tâm Công tác xã hội thành phố Hải Phòng	0,5	0,3	0,2	0,1
24	Trung tâm Tư vấn cai nghiện tại cộng đồng	0,5	0,3	0,2	0,1
25	Trung tâm Thông tin và Truyền thông	0,5	0,3	0,2	0,1
26	Nhà Khách thành phố	0,5	0,3	0,2	0,1
27	Trung tâm Hội nghị thành phố	0,5	0,3	0,2	0,1
28	Trung tâm Thông tin tin học	0,5	0,3	0,2	0,1
29	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	0,5	0,3	0,2	0,1
30	Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn	0,5	0,3	0,2	0,1
31	Trung tâm Thương mại điện tử	0,5	0,3	0,2	0,1
32	Trung tâm Xúc tiến phát triển thương mại	0,5	0,3		
33	Trung tâm Tư vấn đầu thầu	0,6	0,4	0,25	0,15
34	Trung tâm Tư vấn và xúc tiến đầu tư	0,5	0,3		
35	Trung tâm Thông tin và xúc tiến du lịch	0,5	0,3		
36	Trung tâm Thông tin và Phát triển đối ngoại	0,5	0,3		
37	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ	0,5	0,3		
38	Tổng đội Thanh niên xung phong Hải Phòng	0,7	0,5	0,3	0,2
39	Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội Hải Phòng	0,7	0,5	0,3	0,2
40	Tổng đội Thanh niên xung phong 13-5	0,5	0,3	0,2	0,1

41	Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp ngoài quốc doanh	0,5	0,3		
42	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện chưa có hướng dẫn về xếp hạng	0,3	0,2		

